

HOÀNG ĐẾ MINH MỆNH VÀ NHỮNG BÀI THƠ VỀ BIỂN

NGUYỄN HUY KHUYẾN

Nhận thức được vai trò hết sức quan trọng của biển đối với đất nước, vua Minh Mệnh sau khi lên ngôi đã kế thừa các triều đại trước, thi hành nhiều biện pháp để bảo vệ, khai thác chủ quyền biển đảo. Điều này đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến qua các tư liệu khác nhau. Tuy vậy, thơ ngự chế của vua Minh Mệnh – một nguồn tư liệu quý về biển lại chưa được khai thác trong các nghiên cứu này. Trong thơ ngự chế, các vấn đề liên quan đến biển, như: xây dựng thành bảo vệ biển, đóng tàu thuyền, thao luyện thủy quân, cảm nhận và nỗi niềm về biển của người đứng đầu đất nước... được đề cập khá nhiều. Qua các bài thơ của vua Minh Mệnh, có thể nhận thấy tầm nhìn và tình yêu của nhà vua đối với biển của đất nước mình.

1. GIỚI THIỆU

Theo Trần Thị Băng Thanh (2014, tr. 3), nước ta tiếp giáp nhiều với biển, nhưng thơ về biển chưa nhiều. Những nhà thơ có thơ về biển thời phong kiến chỉ có một số tác giả như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Cao Bá Quát⁽¹⁾... Ngoài ra, còn có những ghi chép, nhận xét, đúc kết về biển của Nguyễn Bình Khiêm, Phan Huy Chú⁽²⁾...

Thời vua Minh Mệnh vấn đề khai thác các sản vật ngoài biển cũng như việc cấm mốc chủ quyền, dựng đền thờ ngoài đảo, đóng thuyền chiến, xây dựng các đài Trấn Hải, thao luyện thủy quân... được nhà vua rất quan tâm. Hình ảnh biển Đông và các loại thuyền chiến được khắc trên Cửu đỉnh,

tượng trưng cho sự vững bền của đất nước. Những việc liên quan đến khẳng định chủ quyền hay khai thác sản vật, sai phái người đo đạc đường biển... cũng được nói nhiều trong chính sử. Đặc biệt, biển còn là một đề tài không nhỏ trong các tập thơ Ngự chế của vua Minh Mệnh. Trong hơn 3.500 bài thơ được in trong 6 tập ngự chế có không ít bài viết về biển hoặc liên quan đến biển. Những bài thơ đó đề cập đến nhiều vấn đề, từ các loại tàu thuyền mới theo kiểu phương Tây cho đến những nhận định về cái lợi của vận chuyển hàng hóa trên biển và việc bảo vệ phòng thủ bờ biển. Có thể kể tên một số bài tiêu biểu như: 重修鎮海臺並增砌石塘工竣詩以誌事 *Trùng tu Trấn Hải đài tịnh tăng thế thạch đường công thoan thi dĩ chí sự* (Trùng tu đài Trấn Hải xây thêm gạch đá, khi hoàn thành làm bài thơ để ghi lại); 觀海樓

Nguyễn Huy Khuyến. Tiến sĩ. Khoa Quốc tế học, Đại học Đà Lạt.

Quan Hải lâu; (Lầu quan hải) 大海壯觀
Đại hải tráng quan; (Ngắm biển lớn
 hùng tráng) 觀海 *Quan hải*; (Ngắm
 biển) 啟鑾 巡幸思容海口乘舟曉發 *Khải loan
 tuần hạnh Tư Dung hải khẩu thừa chu
 hiểu phát* (Theo xa giá đến cửa Tư
 Dung sáng sớm cưỡi thuyền đi);
 海風大 *Hải phong đại* (Gió biển lớn);
 復巡幸順 安海口有作 *Phục tuần hạnh
 Thuận An hải khẩu hữu tác* (Lại đi về
 cửa biển Thuận An làm bài thơ);
 登觀海樓復觀水 師演習多索裏銅船 *Đăng quan
 hải lâu phục quan thủy sư diễn tập Đa
 Sách lý đồng thuyền* (Lên lầu Quan
 Hải lại xem thủy quân diễn tập trên
 thuyền đồng Đa Sách); 觀海外操演水師
 有作 *Quan hải ngoại thao diễn thủy sư
 hữu tác* (Xem thủy quân tập luyện
 ngoài biển); 登觀海樓觀漕船入口 *Đăng
 Quan Hải lâu quan tàu thuyền nhập
 khẩu* (Lên lầu Quan Hải xem tàu
 thuyền ra vào cảng)...

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng
 tôi lựa chọn một số bài thơ tiêu biểu
 nói lên nhận thức và hành động của
 vua Minh Mệnh đối với phần lãnh thổ
 trên biển của nước Đại Nam. Những
 bài thơ này là do chính người viết bài
 tự phiên âm và dịch nghĩa.

2. BIỂN TRONG THƠ NGỰ CHẾ CỦA VUA MINH MỆNH

- *Hoạt động thao diễn thủy quân, sắm
 sửa đóng tàu thuyền*

Ở một đất nước có bờ biển dài như
 Việt Nam, vấn đề khai thác tài nguyên
 biển đảo, giữ vững chủ quyền, thông
 thương hàng hóa giữa các địa
 phương qua đường biển là những
 hoạt động quan trọng. Vua Minh Mệnh

rất quan tâm đến việc củng cố quân
 đội, thao diễn luyện tập thủy quân và
 đóng mới tàu thuyền. Nhà vua đã cho
 áp dụng tiến bộ khoa học của phương
 Tây vào đóng tàu chiến của thủy quân,
 tạo nên bước tiến vượt bậc so với
 đóng tàu truyền thống. Những chiếc
 tàu mới có máy hơi nước chạy nhanh
 hơn, không cần mái chèo, sức mạnh
 của tàu có thể chở được cả ngàn vạn
 cân.

咏氣機船

創自西洋巧匠為,
 舟無橈楫世間稀.
 風吹火熾方旋軸,
 湯沸烟衝立轉機.
 千里長途逾馬驟,
 兩輪大翼若禽飛.
 力能提舉千鈞重,
 氣塞乾坤莫視微.

Vịnh khí cơ thuyền

*Sáng tự Tây Dương xảo tượng vi,
 Chu vô nhiêu tiếp thế gian hi.
 Phong xuy hỏa xí phương toàn trục.
 Thang phí yên xung lập chuyển cơ.
 Thiên lý trường đồ su mã sậu,
 Lương luân đại dực nhược cầm phi.
 Lực năng đề cử thiên quân trọng,
 Khí tái càn khôn mạc thị vi.*

Dịch nghĩa

Vịnh thuyền khí cơ

Tàu được sáng chế từ phương Tây do
 những thợ giỏi làm,
 Thuyền không có mái chèo thế gian
 hiếm có,
 Gió thổi lửa cháy làm xoay trục tàu,
 Nước sôi hơi nước làm cho máy móc
 hoạt động,
 Ngàn dặm đường dài tàu chạy nhanh
 như ngựa,

Hai bánh lớn to như cánh lớn để chim
muông bay,
Sức mạnh của thuyền có thể nâng
được ngàn cân,
Khí trùm trời đất chẳng nhìn rõ.

(*Ngự chế thi lục tập*, quyển 3, từ 22-23)

Vua Minh Mệnh luôn răn dạy quân lính, muốn đất nước yên bình thì không được xao nhãng các mối nguy hiểm rình rập, phải chăm chỉ luyện tập, khiến cho quân được tinh nhuệ, phép nước được nghiêm minh. Để phòng vệ mặt biển, ngoài thuyền chiến và thủy quân, còn phải thường xuyên thao diễn, luyện tập, hết sức phòng bị để không bị bất ngờ.

登觀海樓復觀水師演習多索裏銅船

居安常戒勿忘危
訓誥戎兵練水師
破浪乘風將海剖
連帆進艦若山移
東西順扣從心駛
往返縱橫任意施
精益求精加獎賞
申明紀律凜遵知

**Đăng Quan Hải lâu phục quan thủy sư
diễn tập Đa Sách lý đồng thuyền**

*Cư an thường giới vật vong nguy,
Huấn cật hung binh luyện thủy sư.
Phá lãng thừa phong tương hải phẩu,
Liên phàm tiến hạm nhược sơn di.
Đông tây thuận khẩu tông tâm sử,
Vãng phản tung hoành nhậm ý thi.
Tinh ích cầu tinh gia tướng thưởng,
Thân minh kỷ luật lẫm tuân tri.*

Dịch nghĩa:

**Lên lâu Quan Hải lại xem thủy quân
diễn tập trên thuyền đồng Đa Sách**

Muốn ở yên phải răn dạy không được
quên mối nguy hại,

Dạy bảo quân lính chăm luyện thủy
quân.

Phá sóng cưỡi gió băng băng ra biển,
Giương buồm thẳng tiến đường như
núi non đang di dời.

Đông tây thuận lợi thuyền chạy theo ý
nghĩ,

Tung hoành trước sau mặc cho tiến
hành.

Được khen ngợi đã hoàn hảo rồi lại
muốn càng tốt hơn,

Làm nghiêm minh kỷ luật biết mà
nghiêm túc tuân theo.

(*Ngự chế thi ngũ tập*, quyển 3, từ số 9)

Nhân xem thủy quân luyện tập ngoài biển, nhà vua đánh giá cao vai trò của thủy quân: “*Tin rằng đây là thứ bảo vệ đất nước, Thật là khí tài trên dòng sông lớn*”. Ông cho rằng cần phải đào tạo những người lính có kỹ năng giỏi, thông thạo kỹ thuật, chiến thuật để vận hành tàu, nhưng cũng lo lắng việc thiếu người có khả năng đảm nhiệm những công việc này. Hai bài thơ dưới đây được vua Minh Mệnh ghi lại suy nghĩ của mình về việc huấn luyện thủy quân.

Nguyên văn chữ Hán

觀海外操演水師有作

鼓動喧天响
砲轟震海雷
乘風馳舶去
破浪返帆回
疾速從心駛
周旋任意催
信為保國器

真是巨川材
 柁審深和淺
 索譜縮與開
 兵能求善技
 將恐乏良才

Dịch nghĩa:

**Xem thao diễn thủy quân ngoài biển
 xúc cảm làm thơ**

Tiếng cổ động vang vọng cả vùng trời,
 Pháo nổ như sấm chấn động mặt biển.
 Thuyền lướt theo gió chạy băng băng,
 Vượt trên sóng thu cánh buồm về.
 Thuyền chạy nhanh theo ý muốn,
 Chu toàn mặc cho giục giã.
 Tin rằng đây là thứ bảo vệ đất nước,
 Thật là khí tài trên dòng sông lớn.
 Bánh lái đo được chỗ nông sâu,
 Thông thạo nơi thu mái chèo nơi thả
 mái chèo.
 Việc binh cần có kỹ năng giỏi,
 Chỉ sợ rằng thiếu nhân tài.

(Ngự chế thi ngũ tập, quyển 7, tờ 22)

Vua Minh Mệnh đánh giá quân đội phía Nam giỏi việc dùng thuyền hơn quân đội phía Bắc. Có lẽ, quân đội phía Bắc mà vua nói tới là khu vực miền Bắc nước Việt Nam (Đại Nam), bởi thủy binh triều Minh Mệnh có khoảng 15.000 quân tập trung bảo vệ Kinh thành. Còn lại các tỉnh ven biển địa phương cũng có thủy quân nhưng số lượng ít. Năm Minh Mệnh thứ 6 (1825), vua dụ rằng: “nước ta dựng ở phương Nam rất nhiều bãi biển, thủy sự rất là quan yếu, nên thường xuyên huấn luyện cho thuộc hết đường biển, nay thủy quân ở Kinh hiện đã đặt thêm nhiều, mà các địa phương ven

biển cũng đều có thủy quân” (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 5, 2004, tr 395). Bài thơ dưới đây là tâm trạng của vua khi xem thao luyện thủy quân.

登觀海樓閱操演水師大船有感作六韻

履陸念無海
 臨津識有天
 茫茫盈浪水
 漠漠滿雲烟
 北騎慣馳馬
 南兵善駛船
 得時行所恃
 失勢豈其然
 圖治思垂後
 慮危可鑒前
 保邦常得道
 一姓卜年年

**Đăng Quan Hải lâu duyệt thao diễn
 thủy sư đại thuyền hữu cảm tác lục
 vận**

Lữ lục niệm vô hải,
 Lâm tân thức hữu thiên.
 Mang mang doanh lãng thủy,
 Mạc mạc mãn vân yên.
 Bắc kỵ quán trì mã,
 Nam binh thiện sử thuyền.
 Đắc thời hành sở恃,
 Thất thế khởi kì nhiên.
 Đồ trị tư thủy hậu,
 Lự nguy khả giám tiền.
 Bảo bang thường đắc đạo,
 Nhất tính bốc niên niên.

Dịch nghĩa

**Lên lầu Quan Hải xem thao diễn thuyền
 lớn thủy quân cảm xúc làm bài thơ sáu
 vận**

Đi đường bộ nghĩ không có biển,
 Đến bến biết còn có trời cao.
 Mênh mang đầy sóng nước,
 Mờ mịt khói mây đầy.

Kỵ binh phía Bắc quen cưỡi ngựa,
 Quân Nam giỏi dựng thuyền.
 Được thời đi thì có thể dựa vào nó,
 Khi thất thế thì đó há cũng là điều tự
 nhiên.
 Đất nước yên ổn nhớ công ơn lưu lại
 đời sau,
 Lo nguy có thể soi rọi tiền nhân.
 Bảo vệ đất nước thường tìm được
 đường lối,
 Quan bốc phệ có thể đoán được hàng
 năm.

(*Ngự chế thi lục tập*, quyển 8 tờ 13)

*- Vận chuyển hàng hóa bằng đường
 biển*

Vận chuyển bằng đường thủy (đường
 sông và đường biển) vừa tiết kiệm
 thời gian vừa tăng năng suất hiệu quả.
 Thời bấy giờ tuyến vận chuyển hàng
 hóa chủ yếu là từ miền Bắc vào Huế
 và ngược lại từ Huế vào Gia Định...
 Nhận thấy tầm quan trọng của việc
 vận chuyển đường biển, nên năm
 Minh Mệnh thứ 17 (1836), vua đã ra
 chỉ dụ rằng: “đất nước ta có nhiều nơi
 ven biển, các thuyền thủy sư có quan
 hệ rất lớn tới những việc trọng yếu.
 Mọi cơ nghi tiến hay dừng, đều trách
 cứ ở thợ lái, quen thuộc đường biển
 nơi khó nơi dễ, gió nước thuận tiện
 hay không, thì thợ lái coi như là thầy
 của một thuyền. Lúc bình thường
 không việc, nếu không lựa chọn được
 người giỏi mà huấn luyện sẵn sàng,
 để đủ sai phái khi có việc, thì ví như
 đến lúc khát mới đào giếng, muốn đòi
 hỏi họ hoàn thành công việc quả thực
 là khó vậy. Từ trước đến nay, thuyền
 bè phái đi việc công, thợ lái phần

hiều lấy binh lính làm. Trong số đó
 hạng hơi được thông thuộc chỉ có một
 hai người, mà hạng không am thuộc
 gì thì nhiều” (Quốc sử quán triều
 Nguyễn, tập 7, 2004, tr. 267). Thế nên,
 khi nghe tin vận chuyển đường biển
 năm nay thuận lợi yên ổn không xảy
 ra sự cố đáng tiếc, vua đã vui mừng
 làm một bài thơ để ghi lại việc này.

本年海運事清詩以誌事

國朝疆域薄南溟
 海運年年輸帝城
 帑項億千登大府
 錢糧百萬達神京
 效靈川瀆風帆順
 狡詐柁工舟楫橫
 善法豈容因噎廢
 良規世世永遵行

Bản niên hải vận sự thanh thi dĩ chí sự

Quốc triều cương vực bạc nam minh⁽³⁾,

Hải vận niên niên thâu đế thành.

Nô hạng ức thiên đặng đại phủ,

Tiền lương bách vạn dạ thần kinh.

Hiệu linh xuyên độc phong phàm thuận,

Giảo trá đả công chu tập hoành.

Thiện pháp khởi dung nhân ế phé,

Lương quy thế thế vĩnh tuân hành.

Dịch nghĩa

**Năm này việc vận chuyển đường
 biển yên ổn, làm thơ để ghi lại**

Cương vực của đất nước áp sát biển
 phía Nam,

Vận chuyển đường biển hàng năm
 đều cung cấp cho Kinh thành.

Ngân khố muôn năm được đầy ắp
 phủ lớn,

Tiền lương trăm vạn đạt được chốn
 thần kinh.

Sông núi linh nghiệm gió thuận mưa hòa,

Người lái thuyền khéo léo nâng ngang mái chèo.

Pháp lệnh tốt đẹp há có thể tha thứ cho những kẻ làm lỗi,

Quy định tốt đời đời sẽ được tuân thủ thi hành.

(*Ngự chế thi sơ tập*, quyển 4, tờ 16-17)

- *Đánh dẹp cướp biển, thổ phỉ trên biển*

Năm 1585, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, nhà Chúa đã có lần phải đánh dẹp cướp biển vùng ven biển Quảng Trị. Sự kiện này đã được chính sử (*Đại Nam thực lục tiền biên*) ghi chép.

Ất Dậu, năm thứ 28 (1585), bấy giờ có tướng giặc nước Tây Dương hiệu là Hiễn Quý (Hiễn Quý là tên hiệu của bọn tù trưởng phiên, không phải là tên người – TG chú) đi 5 chiếc thuyền lớn, đến đậu ở Cửa Việt để cướp bóc ven biển. Chúa sai hoàng tử thứ sáu lĩnh hơn 10 chiếc thuyền, tiến thẳng đến cửa biển, đánh tan 2 chiếc thuyền giặc. Hiễn Quý sợ chạy. Chúa cả mừng nói rằng: “Con ta thực là anh kiệt”, và thưởng cho rất hậu. Từ đó giặc biển im hơi” (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 1, 2007, tr. 32).

Đến thời vua Minh Mệnh, năm 1833 theo ghi chép của chính sử: “Giặc trốn ở Quảng Yên là Nguyễn Bảo, liên kết với đoàn thuyền giặc Thanh, ra vào ở vùng biển Hoa Phong, Vân Đồn. Viên thổ lại mục ở Vạn Ninh là Phan Huy Bích, đem thủ hạ và hương đồng đi

tuần thám, gặp giặc, giặc vừa đánh vừa lui. [Bọn Bích – TG chú] đuổi 1 ngày 1 đêm, đến bãi Vụ Thủy (thuộc hải phận Hải Nam, phủ Quỳnh Châu nhà Thanh), đánh đắm được 1 cái thuyền giặc, chém được tên đầu đảng giặc Thanh là Ngô Á Tam và bắt sống được tên đồng đảng là Phan Á Bát. Còn tên Bảo nhảy lên bờ, chỉ kịp một mình trốn thoát. Các thuyền khác chạy về phía đông, đều bị quan quân nhà Thanh bắt được.

Vua bảo bộ Binh rằng: Bọn phỉ ấy bị dồn đến bước đường cùng, đều do sức quân hương đồng của nước ta, quan nhà Thanh nhờ đó mà được thành công” (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 7, 2007, tr. 459).

Bảo vệ biển, đánh thổ phỉ hoặc giặc cướp từ nước ngoài đến là công việc thường xuyên của thủy quân. Đó cũng là nỗi lo của vua Minh Mệnh, chính vì vậy, khi nghe tin thắng trận ở các tỉnh ven biển báo về, vua vui mừng như trút đi được một mối lo về sau:

茲據廣安署巡撫黎道弘奏報勦殺海匪得勝情形
詩以誌喜

正在關懷北望憂
忽聞海省遞傳郵
殲擒匪夥皆全去
殺戮連渠不一留
帖靜鯨濤除遠患
莫安鴈塞定邊陲
帆檣利涉頻來往
擊棹扣舷溢頌謳

Dịch nghĩa

Nay theo lời tâu của Quảng Yên Thự tuần phủ Lê Đạo Hoàng đánh dẹp giặc cướp biển thắng lợi, làm thơ để ghi lại việc vui

Chính lúc quan tâm lo lắng về phía Bắc,

Bỗng nghe các tỉnh ven biển nhiều lần truyền tin về.

Diệt và bắt được nhiều giặc cướp, nhiều tên đã trốn đi,

Giết hết nhiều tên bỏ trốn không còn một tên nào sót lại.

Viết thiệp chúc mừng sóng lớn yên ổn đẹp được mối lo về sau,

Nơi biên ải phía bắc được xây dựng bình yên.

Đi thuyền vượt biển nhiều tàu thuyền qua lại,

Gỗ mái chèo vào mạn thuyền ca tụng nền thái bình.

(*Ngự chế thi nhệ tập*, quyển 9, tờ số 3-4)

- *Xây dựng, sửa sang các công trình phòng thủ biển*

Phòng thủ bờ biển là công việc cần thiết để bảo vệ đất nước từ phía đông, vì vậy nhà Nguyễn đã cho xây dựng nhiều đồn trấn. Ở Thuận An vua Gia Long đã cho xây dựng Trấn Hải đài năm 1813, bên trong thành có lầu Quan Hải. Đến năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), vua cho đổi nơi này từ đài sang thành, cốt là để khẳng định vai trò của công trình này: “Trấn Hải đài ở Kinh và Điện Hải đài, An Hải đài ở Quảng Nam đều cho đổi làm thành. Vua cho rằng các đài này đều có thành trì, trấn ngữ hùng mạnh ở bờ biển khác hẳn với các pháo đài khác, nên đặc cách cho gọi là thành. Sau đó sai đổi phát ấn đồ ký bằng đồng cho 3 thành nói trên. Ba tấn sở phòng thủ ở

cửa biển là Đà Nẵng, Đại Chiêm và Đại Áp đều được đổi phát kiếm đồng, và thêm 2 chữ ‘Hải khẩu’” (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 4, 2007, tr. 137).

Bài thơ *Trấn Hải đài* dưới đây của Minh Mệnh cho thấy ý nghĩa của những công trình này trong việc bảo vệ đất nước.

鎮海臺

白沙岡上築圓牆
屹立巍巍鎮海疆
內衛香江畿甸壯
外臨桂渤固周防
南來北往檣如櫛
東鑠西鷁楫共航
未雨綢繆⁽⁴⁾貽久遠
炎方⁽⁵⁾永奠萬年長

Trấn Hải đài

Bạch sa cương thượng trúc viên tường,

Khất lập nguy nguy trấn hải cương.

Nội vệ hương giang kì điện tráng,

Ngoại lâm quế bột cố chu phòng.

Nam lai Bắc vãng tường như tiết,

Đông điệp Tây kiêm tập cộng hàng.

Vị vũ trừ mâu di cửu viễn,

Viêm phương vĩnh điện vạn niên trường.

Dịch nghĩa

Đài Trấn Hải

Trên đồi cát trắng xây tường tròn,

Cao sừng sững nguy nga dùng để trấn biển.

Bên trong bảo vệ sông Hương làm vững chắc Kinh kỳ,

Bên ngoài củng cố chu toàn đến những vùng biển xa.

Phía Nam đến phía Bắc đi thuyền nhiều như nêm,

Vật quý khắp nơi theo mái chèo cùng lên thuyền.

Lo trước tính sau để lại lâu dài cho đời sau,

Nơi xứ nóng mãi mãi muôn đời được bình yên.

(*Ngự chế thi sơ tập*, quyển 2, tờ số 22)

Trần Hải đài vững chắc, nguy nga, có thành tròn bao bọc, khiến cho dân cư yên ổn, củng cố được cơ đồ ngày càng thịnh trị. Khi đích thân xem khắp Trần Hải đài, vua có làm bài thơ để ca ngợi:

閱視鎮海臺

春天鑾輅指東方
式廓經營鎮海疆
長垣四層增鞏固
圓城百雉奠金湯
民醇俗美終無擾
風順波恬久不揚
百世若能如此日
萬年可卜帝圖昌

Duyệt thị Trần Hải Đài

*Xuân thiên loan lộ chỉ đông phương,
Thức khoách kinh dinh trấn hải cương.*

*Trường cụ tứ tầng tăng củng cố,
Viên thành bách trĩ điện kim thang.
Dân thuần tục mỹ chung vô nhiễu,
Phong thuận ba diêm cửu bất dương.
Bách thế nhược năng như thử nhật,
Vạn niên khả bốc đế đồ xương.*

Dịch nghĩa:

Duyệt xem đài Trần Hải

Ngày xuân theo xe đi về hướng Đông,
Doanh trại quy mô là nơi trấn giữ biển cả.

Bờ dài cao bốn tầng càng tăng thêm về vững chắc,

Thành tròn cao trăm trĩ đặt nền móng cho sự vững bền.

Dân cư thuận hậu chẳng phải lo lắng,
Gió thuận sóng yên đã lâu không có sóng dữ nổi lên.

Trăm đời trước nếu có được như ngày này,

Thì muôn đời cũng có thể đoán được cơ đồ ngày càng vững bền tốt đẹp.

(*Ngự chế thi nhị tập*, quyển 2, tờ số 2)

Triều Nguyễn luôn luôn quan tâm trùng tu, củng cố các công trình trọng yếu, tránh bị bất ngờ trước sự xâm lược của kẻ thù. Bài thơ dưới đây đã thể hiện tầm nhìn của vua Minh Mệnh về việc phải phòng bị chu toàn, lo trước vui sau để mưu tính kế lâu dài giữ nước.

Nguyên văn chữ Hán:

重修鎮海臺並增砌石塘工竣詩以誌事

海疆重地以時修,
增建石塘鞏固籌.
長垣外防推碧浪,
圓城內鎮奠金甌.
施仁雖屬行王道,
設險應為守國謀.
久逸一勞財勿靳,
可知後樂在先憂.

Phiên âm

Trung tu Trần Hải đài tịnh tăng thế thạch đường công thoan thi dĩ chí sự

*Hải cương trọng địa dĩ thời tu,
Tăng kiến thạch đường củng cố trù.
Trường cụ ngoại phòng suy bích lãng,
Viên thành nội trấn điện kim âu.
Thi nhân tuy thuộc hành vương đạo,
Thiết hiêm ưng vi thủ quốc mưu.
Cửu dật nhất lao tài vật cận,*

Khả tri hậu lạc tại tiên ưu.

Dịch nghĩa:

Trùng tu Trấn Hải đài thêm xây đá thành đê, xây xong làm bài thơ ghi lại việc

Bờ biển là nơi trọng địa trải qua thời gian cần tu sửa,

Thêm đá xây tường củng cố vững chắc.

Đê dài bên ngoài phòng ngừa sóng biển,

Trong thành tròn bảo vệ cho cung điện bình yên.

Thi hành nhân chính tuy rằng thuộc hành của vua,

Xây dựng nơi hiểm yếu nên tính mưu giữ nước.

Công sức tiền của không được thừa,

Nên biết vui sau cốt phải lo trước.

(*Ngự chế thi sơ tập*, quyển 7, trang 19)

Khi đất nước yên bình, một số công trình phục vụ quân sự như Hỏa Phong đài trên núi Linh Thái được vua cho bãi bỏ với lý do để khoan thư sức dân. Hơn nữa việc phòng thủ bờ biển đã hiện đại hơn khi có quân đội tuần tra ngoài biển.

Năm 1840, theo lệnh vua Minh Mệnh, lầu Quan Hải có thêm một chức năng là ngọn hải đăng cho tàu thuyền qua lại vùng biển nơi này. Hải đăng là một chiếc đèn lồng “chu vi trên dưới 7-8 thước, trong bồi giấy trắng, ngoài bồi bằng lụa mỏng”, treo trên chòi cao cột cờ và được thắp sáng hàng đêm. Lầu Quan Hải như một vọng gác cao trong Trấn Hải đài trông ra biển.

觀海樓

登林⁽⁶⁾莫若山

行水無逾海

溪壑陋微涓

江河遜萬倍

望之天與鄰

乃有地能載

豈得外乾坤

試思仍是在

Quan Hải lâu

Đăng lâm mạc nhược sơn,

Hành thủy vô du hải.

Khê hác lậu vi quyên,

Giang hà tổn vạn bội.

Vọng chi thiên dữ lân,

Nãi hữu địa năng tải.

Khởi đắc ngoại càn khôn,

Thí tư nhưng thị tại

Dịch nghĩa:

Lầu Quan Hải

Lên trên rừng mà như không phải lên núi,

Đi đường thủy không vượt qua biển.

Khe suối nhỏ hẹp bắn ra những tia nước nhỏ,

Không lớn bằng sông kém cả vạn lần.

Trông lên trời và trông sang bên cạnh,

Đất mới chính là có thể che chở.

Há được đi ra ngoài cõi trời đất,

Nghĩ như vẫn còn ở nơi này.

(*Ngự chế thi lục tập*, quyển 7 từ 17)

- *Cảm nhận của nhà vua về vẻ đẹp cũng như sự hiểm trở của biển khơi*

Những khi rảnh rỗi, vua Minh Mệnh lại dong thuyền đến các cửa biển ở Huế để du ngoạn, như cửa Thuận An, cửa Tư Dung. Thuận An là cửa biển quan trọng trong việc phòng thủ, giao thương hàng hóa cung cấp cho Kinh thành Huế. Từ Kinh thành đi Thuận An, vua chủ yếu đi bằng đường thủy,

dọc theo sông Hương đến cửa Thuận An. Cái tên Thuận An là do các bậc tiền nhân đặt ra với ước mong thuyền bè qua lại bình an.

Mỗi lần ngắm biển, vua lại trào dâng cảm xúc. Những bài thơ: *Thuận An hải khẩu*, *Hải lô*, *Quan hải tác Quan hải*, *Đại hải tráng quan*, *Hải phong đại*, *Quan hải lâu*... phản ánh được tâm trạng của vua Minh Mệnh khi nghĩ về biển. Sức mạnh to lớn và khắc nghiệt của biển cả khiến vua âu lo cho những người đi biển.

順安海口

溜水縈迴最險難
海風時發湧狂瀾
聖人一自嘉名賜
往來帆檣各順安

Thuận An hải khẩu

*Lưu thủy uynh hồi tối hiểm nan,
Hải phong thời phát dũng cuồng lan.
Thánh nhân nhất tự gia danh tứ,
Vãng lai phàm tường các thuận an.*

Dịch nghĩa:

Cửa biển Thuận An

Xuôi theo dòng nước quanh co rất là hiểm trở khó khăn,
Lúc gió biển nổi lên sóng lớn cuộn cuộn.

Bậc thánh nhân đã tự mình ban tặng tên tốt đẹp ấy,

Thuyền bè xuôi ngược mong tất cả đều thuận lợi yên ổn [Thuận An].

(*Ngự chế thi sơ tập*, quyển 7, tờ 4)

Hay bài:

海雷

海潮激岸若雷鳴
默坐天寒最厭聽

庵庵終朝連鼓響
麟麟徹夜疊車聲
流迴帶雨陽侯橫
今已陰消冬過半
春來處處浪波平

Hải lô

*Hải trào kích ngạn nhược lô minh,
Mặc tọa thiên hàn tối yếm thình.
Độc độc chung triều liên cổ hưởng,
Lân lân triệt dạ lũy xa thanh.
Lưu hồi đới vũ dương hầu trấp,
Thủy trưởng kiêm phong chúc xích hoành.
Kim dĩ âm tiêu đông quá bán,
Xuân lai xứ xứ lãng bình ba.*

Dịch nghĩa:

Sấm ở trên biển

Sóng biển vỗ mạnh vào bờ giống như tiếng sấm,

Ngồi một mình trong tiết trời lạnh rất chán âm thanh đó.

Tiếng sóng vỗ sớm triều liên hồi tiếng vang như tiếng trống,

Như tiếng xe chạy lộc cộc trong đêm.

Dòng chảy về mang theo mưa mặt trời lại thu góp lại,

Nước dâng theo gió chúc cho trừ bỏ sự hung ác.

Ngày nay khí âm đã hết mùa đông đã đi quá nửa,

Xuân đến nơi nơi sóng lặng biển êm.

(*Ngự chế thi sơ tập*, quyển 9, tờ 31-32).

Nhưng không chỉ khắc nghiệt, nguy hiểm, biển cũng mang đến cho con người vẻ đẹp tươi sáng, quý giá, khiến nhà vua phải tự răn mình để không phụ lòng các bậc tiền nhân đã gây dựng nên cơ đồ.

觀海作

北旋金翼一來陽
春信早傳燦樹光
益艷冰姿花照日
添肥玉質蕊含霜
南天不雪盈眸雪
平地無香滿鼻香
終始年華都占盡
何慚今古獨名揚

Quan hải tác

*Bắc toàn kim dực nhất lai dương,
Xuân tín tảo truyền xán thụ quang.
Ích diễm băng tư hoa chiếu nhật,
Thêm phi ngọc chất nhụy hàm
sương.
Nam thiên bất tuyết doanh mâu tuyết,
Bình địa vô hương mãn tị hương.
Chung thủy niên hoa đô chiếm tận,
Hà tâm kim cổ độc danh dương.*

Dịch nghĩa:

Làm thơ khi ngắm biển

Cánh chim từ phương Bắc trở mang
theo ánh mặt trời,
Tin xuân truyền đến sớm cây cối
được ánh sáng chiếu rọi rõ.
Ánh mặt trời chiếu vào hoa càng tăng
thêm vẻ thanh nhã,
Nhụy ngậm sương chất ngọc càng
thêm mập mạp.
Trời phương Nam không có tuyết mà
trong mắt đầy tuyết,
Chón đất bằng không có hương thơm
mà hương thơm nức mũi.
Trọn một đời người cũng đều gắng
hết sức,
Sao phải thẹn với kim cổ để một mình
dương danh.

(*Ngự chế thi sơ tập*, quyển 10, tờ 12)

觀海

登山小魯國,
觀海沙江淮.
望去如無岸,
思之自有涯.
浩茫開目力,
廣闊壯心懷.
一陣雄風起,
須臾掃積霾.

Quan hải

*Đăng sơn tiểu Lỗ quốc,
Quan hải sa Giang Hoài.
Vọng khứ như vô ngạn,
Tư chi tự hữu nhai.
Hạo mang khai mục lực,
Quảng khoáng tráng tâm hoài.
Nhất trận hùng phong khởi,
Tu du tảo tích mai.*

Dịch nghĩa:

Ngắm biển

Lên núi thấy nước Lỗ nhỏ bé,
Ngắm biển thấy dải cát như sông
Giang sông Hoài.
Trông xa như không có bờ,
Nghĩ rằng nó cũng có bến bờ.
Mênh mông như mở hết tầm mắt,
Bao la như mở hết hùng tâm tráng
khí.
Một trận gió mạnh thổi đến,
Chốc lát đã quét sạch chút bụi còn sót
lại.

(*Ngự chế thi nhị tập*, quyển 2, tờ 2)

Thuận An có bốn cảnh đẹp đã được
vua Minh Mệnh đề thơ và cho dựng
bia ở đây, trong đó *Đại hải tráng quan*
được vua lấy tiêu đề và làm đến ba
bài thơ. Chúng tôi chọn hai bài để
thấy được những cảm nhận của vua
về sự hùng vĩ của biển.

大海壯觀

茫茫浩浩望難窮
縱目遙觀豁我胸
納垢藏污無不受
百川諸水盡朝宗

Đại hải tráng quan

*Mang mang hạo hạo vọng nan cùng,
Túng mục dao quan khoáng ngã hung.
Nạp cấu tàng ô vô bất thụ,
Bách xuyên chư thủy tận triều tông.*

Dịch nghĩa:

Ngắm biển lớn hùng tráng

Mênh mông rộng lớn nhìn khôn tận,
Đưa mắt trông xa tựa mở lòng.
Nhận đất giữ bùn đều có thể,
Trăm sông muôn nước đổ biển khơi.

(*Ngự chế thi lục tập*, quyển 7, tờ số 18-19)

大海壯觀

仰瞻極目有天長
俯瞰暢懷惟海大
本是容舟亦覆舟
思量再四令心會

Đại hải tráng quan

*Ngưỡng chiêm cực mục hữu thiên trường,
Phủ khám sướng hoài duy hải đại.
Bổn thị dung chu diệc phúc chu,
Tư lượng tái tứ lệnh tâm hội.*

Dịch nghĩa:

Cảnh xem mạnh mẽ ở biển lớn

Ngưỡng trông hết tầm mắt thấy trời rộng lớn,
Cúi xuống thích thú nghĩ duy chỉ có biển rộng.
Vốn có thể dong thuyền đi cũng có thể làm lật thuyền,
Nghĩ đi nghĩ lại khiến cho lòng thoải mái.

(*Ngự chế thi tứ tập*, quyển 6, tờ số 30 - 31)

Không ít lần vua Minh Mệnh phải ngâm ngùi khi nghĩ đến những tàu thuyền trên biển, nếu may mắn thì có thể bình yên, còn nếu bất trắc thì có thể lâm nguy. Những bài thơ dưới đây là tiếng than tiếc và nỗi niềm đồng cảm của ông đối với những người luôn bám biển:

海棧歎

後人聊效古乘槎
集料鳩工數月多
高掛帆檣逾巨艦
遠徂洋海越洪波
昔年幾度皆安穩
今日一朝成跌蹉
沒跡潛踪無影響
難勝浩歎莫如何

Hải phật thán

*Hậu nhân liêu hiệu cổ thừa tra,
Tập liệu cưu công số nguyệt đa.
Cao quải phàm tường du cự hạm,
Viễn tổ dương hải việt hồng ba.
Tích niên cơ độ giai an ổn,
Kim nhật nhất triều thành điệt sa.
Một tích tiềm tung vô ảnh hưởng,
Nan thăng hạo thán mạc như hà.*

Dịch nghĩa:

Than thuyền lớn đi biển

Người sau bắt chước người xưa dùng thuyền để đi,
Từ khi tập hợp nguyên liệu đến khi hoàn thành trải qua nhiều tháng.
Treo buồm cao trên cột hơn cả chiến hạm lớn,
Đi xa ngoài biển khơi vượt trên sóng cả.
Năm trước bao phen đi đều được yên ổn,

Năm nay một lần sẩy chân thành ra té ngã.

Không có dấu vết bị chìm cũng không bị ảnh hưởng gì,

Làm sao dứt được than thở chẳng biết làm thế nào.

(*Ngự chế thi sơ tập*, quyển 7, từ 20-21)

Trong bài 海風大 (*Hải phong đại*), cảnh gió biển lớn làm thuyền lớn, thuyền bé bị chìm, binh lính hi sinh làm mồi cho cá, khiến nhà vua đau lòng chảy nước mắt ướt cả vạt áo.

海風大

海風大海風大

弗謂甚為舟楫害

初起二起多免灾

...

大船沈小船沈

提督將弁並士卒

多埋魚腹淚霑襟

Hải phong đại

Hải phong đại, hải phong đại,

Phát vị thậm vi chu tiếp hại.

Sơ khởi nhị khởi đa miễn tai,

...

Đại thuyền trầm, tiểu thuyền trầm.

Đề đốc tướng biên tịnh sĩ tốt,

Đa mai ngự phúc lệ chiêm khâm.

Dịch nghĩa:

Gió biển lớn

Gió biển lớn, gió biển lớn,

Chẳng bảo là rất nguy hại cho thuyền bè.

Lúc mới nổi lần một lần hai còn có thể tránh được tai họa,

Thuyền lớn chìm, thuyền nhỏ chìm.

Đề đốc, tướng sĩ cùng quân lính,

Chôn vùi bụng cá lệ rơi ướt áo.

(*Ngự chế thi tứ tập*, quyển 8, từ 2-3)

Những bài thơ trên tuy đau thương, nhưng nó vẫn khẳng định sự gắn bó với biển của người Việt Nam nói chung và của nhà vua nói riêng. Dù có tổn thất và đầy gian lao khi đi biển nhưng người Việt không bao giờ từ bỏ biển. Biết bao người đã hóa thân vào biển để mang lại cuộc sống bình yên và phồn vinh cho đất nước.

3. KẾT LUẬN

Qua một số bài thơ giới thiệu ở trên, có thể thấy vua Minh Mệnh đã có những nhận thức sâu sắc về biển liên quan đến sự tồn vong và phồn vinh của đất nước. Những cảm nhận về biển trên phương diện thi ca cho thấy, với vua Minh Mệnh, biển là một phần máu thịt không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam. Và những người cầm quyền phải ý thức được tầm quan trọng của biển, thám thía những nỗ lực to lớn và đôi khi là bi hùng của những con người chinh phục biển. Từ đó mà có thêm quyết tâm, có những chính sách nhằm khai thác, bảo vệ biển chu toàn, có những lo xa phòng bị để tính kế lâu dài cho con cháu đời sau. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Nguyễn Trãi có những bài thơ nổi tiếng về cảng biển và biển như *Bạch Đằng hải khẩu* (Cửa biển Bạch Đằng); *Quan hải* (Đóng cửa biển); Lê Thánh Tông có bài thơ khắc trên núi Truyền Đăng (núi bài thơ), đó là: *Ngự chế Thiên Nam động chủ đề*; Cao Bá Quát có bài: *Sa hành đoản ca* (bài ca ngắn đi trên bãi cát).

⁽²⁾ Nguyễn Bình Khiêm có bài: *Cự Ngao Đới Sơn*, trong đó có câu thơ đúc kết về biển và về lãnh thổ đất nước: 萬里東溟歸把握, 憶年南極奠隆平. Vạn lý Đông minh quy bả ốc, Úc niên Nam cực điện long bình (Biển Đông muôn dặm dang tay cầm giữ, Nam cực muôn đời mãi thái bình).

Phan Huy Chú có tập *Hải trình chí lược*. Ông được phái đi công cán năm 1832 dưới triều vua Minh Mệnh, tập *Hải trình chí lược* ghi chép những điều tai nghe mắt thấy nơi ông đã đi qua. Ví dụ như: các cửa tầu, Cù lao Chàm hay Cù lao Lý Sơn (tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi).

⁽³⁾ Nam minh tức biển phía Nam.

⁽⁴⁾ Vị vũ trừ mậu: phòng bị sửa chữa nhà cửa trước khi có mưa, ý nói việc đề phòng trước.

⁽⁵⁾ Viêm phương nghĩa là xứ nóng, ở đây chỉ nước Nam.

⁽⁶⁾ Khi vua Minh Mệnh cho đổi Trấn Hải đài thành Trấn Hải thành đã cho trồng thêm hàng ngàn cây dừa để chống nước biển xâm thực, cho nên khi đến đây vua cảm giác như lên rừng.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục*, tập 1, 3, 4, bản dịch của Viện Sử học. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2004. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 7, bản dịch của Viện Sử học. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2004. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 5, bản dịch của Viện Sử học. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
4. Minh Mệnh. *Minh Mệnh ngự chế thi*, 6 tập. Bản chữ Hán tại Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm: *Ngự chế thi sơ tập* 御制詩初集 (KH: A.134A/1-3), *Ngự chế thi nhị tập* 御制詩二集 (KH: A.134B/1-3), *Ngự chế thi tam tập* 御制詩三集 (KH: VHV.68/1-3), *Ngự chế thi tứ tập* 御制詩四集 (KH: A.134D/1-2), *Ngự chế thi ngũ tập* 御制詩五集 (KH: A.134D/1-3), *Ngự chế thi lục tập* 御制詩六集 (KH: A.134C/1-2).
5. Trần Thị Băng Thanh. 2014. “Cảm quan về biển- lời đồng vọng ngàn xưa”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (125).